

Số: **4789** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **23** tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên và tổ chức quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Xét đề nghị của Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội tại Công văn số 1759/TCT-P5 ngày 12/9/2012 và Giám đốc Sở Nội vụ Hà Nội tại Công văn số 1945/SNV-DN ngày 17/10/2012 về việc phê duyệt điều lệ của Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội, gồm 12 Chương, 62 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội;

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP (để báo cáo);
- Các PCT: Nguyễn Huy Tường,
Nguyễn Văn Khôi;
- PVP Lý Văn Giao;
- TH, QHXDGT, KT Đ;
- Lưu: VT. *OK* 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *qanh*
PHÓ CHỦ TỊCH *tr*



Nguyễn Huy Tường
Nguyễn Huy Tường

www.LuatVietnam.vn

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4789 /QĐ-UBND
ngày 23 tháng 10 năm 2012 của UBND thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu:

a) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là Chủ sở hữu của Tổng công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Tổng công ty.

b) Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội là Đại diện chủ sở hữu của các công ty con là Công ty TNHH một thành viên trực thuộc Tổng công ty.

2. Công ty mẹ: Là Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).

3. Công ty thành viên của Tổng công ty bao gồm:

a. **Công ty con:** Là công ty do Tổng công ty đầu tư 100% vốn Điều lệ hoặc do Tổng công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH có hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, các loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

b. **Công ty liên kết:** Là công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng công ty, tổ chức dưới hình thức Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, các loại hình doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

c. **Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty:** Là công ty không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty nhưng tự nguyện tham gia làm thành viên của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận.

4. Đơn vị phụ thuộc: là các đơn vị do Tổng công ty quyết định thành lập không có pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế phụ thuộc.

5. Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty: Là cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều lệ

của công ty hoặc chiếm một tỷ lệ nhỏ hơn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.

6. **Quyền chi phối:** Là quyền của Tổng công ty (với tư cách là Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại công ty con hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với các chức danh quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của công ty con, theo quy định tại Điều lệ Công ty con hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty với công ty con và quy định của pháp luật.

7. **Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con:** Là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con.

8. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên và trụ sở của Tổng công ty

1. Tên gọi đầy đủ tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI**

- Tên giao dịch tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI**

- Tên giao dịch quốc tế: **HANOI HOUSING DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION**

- Tên gọi tắt: **HANDICO**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 34 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

- Điện thoại: (+084- 4) 39.387.799

Fax: (+084- 4) 38.241.032

- Email: info@handicovn.com.vn

- Website: www.handico.com.vn

- Biểu tượng:



2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội được thành lập theo quyết định số 258/2004/QĐ-UBND ngày 17/01/2007; quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về chuyển công ty mẹ - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên hoạt động

theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội hoạt động theo quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Tổng công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội trước khi chuyển đổi.

4. Tổng công ty có vốn và tài sản riêng, tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của Tổng công ty.

Điều 4. Vốn điều lệ của Tổng công ty và việc điều chỉnh vốn điều lệ

1. Vốn Điều lệ:

Vốn Điều lệ của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội là: **1.800.000.000.000 đồng** (Một nghìn tám trăm tỷ đồng).

2. Điều chỉnh vốn Điều lệ:

a) Việc điều chỉnh vốn Điều lệ của Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Khi được điều chỉnh vốn Điều lệ, Tổng công ty phải đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn Điều lệ đã điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Người Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là: Tổng Giám đốc.

Điều 6. Chủ sở hữu Tổng công ty

1. Chủ sở hữu Tổng công ty: UBND Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 79, phố Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng thành viên Tổng công ty là đại diện Chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty.

Điều 7. Thời gian hoạt động.

1. Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội hoạt động kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thời gian hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định.

Điều 8. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

a) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty.

b) Bảo đảm việc làm cho người lao động và lợi ích của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

c) Hoàn thành các nhiệm vụ khác được Chủ sở hữu Tổng công ty giao.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

2.1 Ngành, nghề kinh doanh chính:

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
XÂY DỰNG	
Xây dựng nhà các loại	4100
Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
Xây dựng công trình công ích	4220
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
Phá dỡ	4311
Chuẩn bị mặt bằng	4312
Lắp đặt hệ thống điện	4321
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Giám sát thi công xây dựng loại công trình: Dân dụng và công nghiệp: Lĩnh vực: Xây dựng và hoàn thiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Định giá xây dựng, bao gồm: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng Đo bóc khối lượng xây dựng công trình Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Kiểm soát chi phí xây dựng công trình Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng	

Tên ngành, nghề kinh doanh

Mã ngành

Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

Khảo sát xây dựng

Khảo sát địa hình

Khảo sát lập bản đồ các loại tỷ lệ; Khảo sát phục vụ công tác thiết kế quy hoạch xây dựng, giao thông thủy lợi

Khảo sát thành lập bản đồ; Khảo sát phục vụ công tác quy hoạch, giao thông, thủy lợi, quản lý ruộng đất; Thiết kế san nền

Xây lắp các trạm, bồn chứa, đường ống và thiết bị gas, xăng dầu

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Kinh doanh bất động sản

Môi giới bất động sản

Định giá bất động sản

Sàn giao dịch bất động sản

Tư vấn bất động sản

Quảng cáo bất động sản

Quản lý bất động sản

Quản lý, vận hành, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tòa nhà, khu đô thị và hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị, khu dân cư

Cung cấp các dịch vụ tại các tòa nhà, khu đô thị, khu dân cư

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Luật Kinh doanh
Bất động sản

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2.2 Ngành, nghề kinh doanh ngoài lĩnh vực kinh doanh chính:

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
XÂY DỰNG	
Xây dựng, lắp đặt đường dây cáp điện ngầm có điện áp đến 35KV, trạm biến áp 110KV và trạm biến áp có dung lượng đến 2500KVA	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Chuyên giao công nghệ xây dựng	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	
Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm thuốc lá nội	
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	2100
Chi tiết: Sản xuất hóa dược và dược liệu	
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
Chi tiết: Sản xuất máy phục vụ xây dựng	
Sản xuất khác chưa được phân vào đầu	3290
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	
Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	
Đại lý du lịch	7911
Điều hành tua du lịch	7912
Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu	
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
Bán buôn tổng hợp	4690

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
Giáo dục nghề nghiệp	8532
Đào tạo cao đẳng	8541
Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
VẬN TẢI KHO BÃI	
Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	
Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (nung và không nung)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Đại lý, môi giới	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Chiết nạp chai khí đốt hóa lỏng	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Thù gom rác thải không độc hại	3811
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
Dịch vụ ăn uống khác	5629
Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	
Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
Vệ sinh chung nhà cửa và các công trình khác	8129
Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	
Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
Dịch vụ bảo vệ	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

3. Phạm vi hoạt động:

Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp Quốc tế.

Điều 9. Quản lý nhà nước đối với Tổng công ty

Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong Tổng công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 11. Quyền của Tổng công ty đối với vốn và tài sản

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Tổng công ty.

2. Được quyền quyết định đối với vốn và tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Tổng công ty.

3. Sử dụng và quản lý tài sản nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên.

4. Có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quyền khác của Tổng công ty đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền kinh doanh của Tổng công ty

1. Tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, những ngành, nghề được chủ sở hữu chấp thuận và theo quy định của pháp luật; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước.

3. Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước, ngoài nước; tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng.

4. Tự quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

5. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để liên doanh, liên kết, đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác trong nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Tổng công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của Tổng công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ hoặc theo phân cấp tại Điều lệ Tổng công ty.

7. Sử dụng vốn của Tổng công ty hoặc vốn huy động để tham gia đầu tư thành lập công ty khác thì phải được Chủ sở hữu Tổng công ty chấp thuận.

8. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng, áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Tuyển chọn, bổ trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, cho thôi việc đối với lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động.

12. Quyết định cử cán bộ công nhân viên Tổng công ty đi công tác nước ngoài theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

13. Có các quyền kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền về tài chính của Tổng công ty

1. Huy động vốn để kinh doanh dưới các hình thức như phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu Tổng công ty; vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Tổng công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và của Chủ sở hữu Tổng công ty.

Được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ của Tổng công ty không vượt quá 03 lần.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Tổng công ty.

2. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Được quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

5. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh; phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước mà doanh thu không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Tổng công ty.

6. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí theo quy định của pháp luật.

7. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

8. Được từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9. Thực hiện các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nghĩa vụ của Tổng công ty về vốn và tài sản

1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn Tổng công ty tự huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi tài sản của Tổng công ty.

2. Đánh giá lại tài sản của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Tổng công ty về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nghĩa vụ trong kinh doanh của Tổng công ty

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý Tổng công ty của người lao động quy định tại Chương VII của Điều lệ này.

4. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu Tổng công ty.

6. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu Tổng công ty hoặc cơ quan được Chủ sở hữu uỷ quyền; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. Sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư vào các hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty. Tổng mức đầu tư ra ngoài Tổng công ty (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá mức vốn Điều lệ của Tổng công ty. Riêng đối với hoạt động đầu tư góp vốn vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, Tổng công ty chỉ được đầu tư vào mỗi lĩnh vực một doanh nghiệp; mức vốn đầu tư không vượt quá 20% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn, nhưng phải đảm bảo mức vốn góp của công ty mẹ và các công ty con trong Tổng công ty không vượt quá mức 30% vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp.

9. Tổng công ty phải xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại điều lệ và pháp luật.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Tổng công ty về kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ về tài chính của Tổng công ty

1. Kinh doanh có lãi, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư do Chủ sở hữu Tổng công ty giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với Chủ sở hữu Tổng công ty và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty khác (nếu có); quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu Tổng công ty giao, cho thuê. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản công nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác khi nhà nước yêu cầu.

4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Tổng công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty khi tham gia hoạt động công ích

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty quy định tại các điều 11, 12, 13, 14, 15, 16 của Điều lệ này, khi tham gia hoạt động công ích, Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ. Đối với hoạt động công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước thì Tổng công ty có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Tổng công ty thực hiện.

3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong giá thực hiện thầu do Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Tổng công ty theo quy định khác của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU TỔNG CÔNG TY

Điều 18. Quyền của Chủ sở hữu

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu Tổng công ty; quyết định phê chuẩn nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty; chấp thuận để Hội đồng thành viên quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong và ngoài nước; quyết định ngành nghề kinh doanh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.

2. Phê duyệt mục tiêu, chiến lược và kế hoạch dài hạn, hàng năm của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
3. Phê duyệt các phương án huy động vốn có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
4. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán, cho thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
5. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Tổng công ty có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay có giá trị lớn hơn vốn điều lệ của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
7. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Tổng công ty cho tổ chức, cá nhân khác trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
8. Quyết định việc đầu tư, góp vốn vào các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty và các ngành có liên quan.
9. Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất đai, tài sản của Tổng công ty để đầu tư, góp vốn với các đối tác để thành lập công ty khác, dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố và Điều lệ này.
10. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty theo phân cấp quản lý về công tác cán bộ của Thành phố.
11. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu; quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên Tổng công ty.
12. Quyết định cử Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên Tổng công ty đi công tác nước ngoài theo đề nghị của Tổng công ty.
13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Tổng công ty sau khi Tổng công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
14. Kiểm tra, giám sát Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên Tổng công ty trong việc quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ giám sát Tổng công ty; kiểm tra, giám sát quyền của Chủ sở hữu Tổng công ty đối với các công ty con trực thuộc Tổng công ty.

15. Tổ chức kiểm tra, giám sát đối với Tổng công ty về việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động; việc sử dụng vốn, tài sản, tài chính; việc thực hiện tổ chức bộ máy và cán bộ theo phân cấp được quy định tại Điều 31 Nghị định số 25/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ, Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

16. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành và thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty; việc thực hiện Điều lệ Tổng công ty; các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

1. Tuân thủ Điều lệ của Tổng công ty.

2. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm của Tổng công ty; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu Tổng công ty được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty.

4. Tuân theo các quy định của pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê giữa Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty.

5. Không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn, tài sản của Tổng công ty theo phương thức không thanh toán. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Tổng công ty.

6. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty và các kiến nghị phê duyệt của Hội đồng thành viên theo những nội dung được quy định cụ thể tại khoản 12 Điều 20 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ và Điều lệ này, Chủ sở hữu Tổng công ty phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời Tổng công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu Tổng công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Tổng công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty.

2. Không được rút lợi nhuận của Tổng công ty khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

3. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty bao gồm:

- a) Hội đồng thành viên;
- b) Tổng Giám đốc;
- c) Các Phó Tổng giám đốc;
- d) Kiểm soát viên;
- đ) Kế toán trưởng;
- e) Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ;
- g) Các công ty con;
- h) Các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.

2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức các phòng, ban, đơn vị sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có thể thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trên cơ sở các quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

MỤC I HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 22. Chức năng và cơ cấu của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty là cơ quan đại diện của Chủ sở hữu tại Tổng công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Tổng công ty theo phân cấp được quy định tại Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ, trách nhiệm về sự phát triển của Tổng công ty theo mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu Tổng công ty giao.

2. Hội đồng thành viên Tổng công ty có quyền nhân danh Chủ sở hữu Tổng công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu Tổng công ty quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

3. Hội đồng thành viên Tổng công ty có thành viên chuyên trách và không chuyên trách do Chủ sở hữu Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.

Hội đồng thành viên Tổng công ty có năm (05) thành viên do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định, gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên do Chủ sở hữu Tổng công ty đầu tư và các nguồn lực khác.

2. Xây dựng chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn và hàng năm của Tổng công ty trình Chủ sở hữu Tổng công ty phê duyệt. Quyết định phương án phối hợp kinh doanh giữa Công ty mẹ với các Công ty con do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối trên cơ sở quy định của pháp luật.

3. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán, cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

4. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Tổng công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của Tổng công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ.

5. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá mức vốn điều lệ của Tổng công ty.

6. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý; quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và quy hoạch, đào tạo lao động. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và nước ngoài sau khi có sự chấp thuận của Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Phê duyệt điều lệ, quy chế tài chính của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc Công ty mẹ và các công ty con là công ty TNHH một thành viên.

7. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, Công ty TNHH một thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

8. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc sau khi có sự chấp thuận của Chủ sở hữu và theo quy định của pháp luật.

9. Quyết định đầu tư, góp vốn vào các công ty con; sử dụng vốn của Tổng công ty để đầu tư thành lập công ty khác sau khi có sự chấp thuận của Chủ sở hữu. Tổng giá trị đầu tư tài chính được quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản 4 Điều này phải báo cáo Chủ sở hữu quyết định.

10. Báo cáo Chủ sở hữu Tổng công ty việc Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm thành viên liên kết của Tổng công ty.

11. Quyết định những vấn đề quan trọng đối với các công ty con và thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty theo quy định tại các điều 42, 43, 44, 45 của Điều lệ này.

12. Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại công ty có vốn góp của Tổng công ty; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty có vốn góp của Tổng công ty phù hợp với các quy định tại Điều lệ của công ty có vốn góp và các quy định của pháp luật hiện hành.

13. Phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, các định mức chi phí, tài chính và các định mức khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Quyết định các tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý áp dụng trong Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

14. Phê duyệt các phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ và không làm thay đổi hình thức sở hữu của Tổng công ty.

15. Trình Chủ sở hữu Tổng công ty phê duyệt phương án sử dụng đất đai, tài sản của Tổng công ty để đầu tư, góp vốn với các đối tác để thành lập công ty khác và dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố và Điều lệ này.

16. Xây dựng phương án tham gia đầu tư góp vốn vào công ty khác hoạt động ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty để trình Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định.

17. Đề nghị Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu; quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.

18. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch, Giám đốc, Kế toán trưởng công ty TNHH một thành viên trực thuộc; Trưởng các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc và tương đương của Tổng công ty; Quyết định cử người tham gia quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty.

19. Quyết định cử Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty làm đại diện Chủ sở hữu đi công tác nước ngoài.

20. Trình Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định những vấn đề khác của Tổng công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty được qui định tại Điều 18 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

21. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty và người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 31 Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

22. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do UBND Thành phố quyết định đầu tư và thành lập trực thuộc Tổng công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đó.

23. Các quyền hạn, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định của Chủ sở hữu Tổng công ty.

Điều 24. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên Tổng công ty

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty làm việc theo chế độ tập thể, họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên Tổng công ty có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Hội đồng thành viên Tổng công ty có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Tổng công ty trong trường hợp:

- Do Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty hoặc Tổng Giám đốc Tổng công ty đề nghị.

- Do 3/5 tổng số thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty đề nghị.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty hoặc thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty được Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty uỷ quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên Tổng công ty. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất là 03 ngày làm việc.

3. Các cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng thành viên Tổng công ty họp lệ khi có 3/5 tổng số thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty có hiệu lực khi có 3/5 tổng số thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty biểu quyết tán thành; Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Khi bàn về nội dung công việc của Tổng công ty có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phải mời đại diện Công đoàn Tổng công ty dự họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

4. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên Tổng công ty thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên Tổng công ty phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng công ty. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty có tính bắt buộc thi hành trong Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Tổng công ty theo nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty. Người được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp kịp thời đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty trừ trường hợp Hội đồng thành viên Tổng công ty có quyết định khác.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên Tổng công ty được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài Tổng công ty trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Tổng công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế tài chính của Tổng công ty.

Điều 25. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty

Các thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty phải cùng chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên

viên Tổng công ty nêu gây thiệt hại cho Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty, trừ Thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về tiêu chuẩn cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và thay thế

1. Bổ nhiệm:

Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty là 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty có thể được Chủ sở hữu Tổng công ty xem xét bổ nhiệm lại.

2. Miễn nhiệm:

Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ do Chủ sở hữu Tổng công ty giao.

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ Tổng công ty quy định; trong trường hợp này Hội đồng thành viên Tổng công ty có quyền đề nghị Chủ sở hữu Tổng công ty bổ sung, thay thế Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty.

c) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác.

e) Để Tổng công ty rơi vào một trong các trường hợp sau: thua lỗ liên tiếp trong 02 năm; không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư trong 02 năm hoặc giữa 02 năm có 01 năm lãi hoặc hoà vốn, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình cụ thể và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thay thế:

Thành viên Hội đồng thành viên được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức.

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu Tổng công ty đầu tư cho Tổng công ty; quản lý Tổng công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

b) Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của Tổng công ty để trình Hội đồng thành viên.

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng thành viên.

d) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về quyết định của mình.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, uỷ quyền của Hội đồng thành viên Tổng công ty, Chủ sở hữu Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

2. Bổ nhiệm:

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm trong số các Thành viên Hội đồng thành viên.

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty.

3. Miễn nhiệm, thay thế:

Chủ tịch Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại mục 2, 3 Điều 27 của Điều lệ này.

4. Chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và lợi ích khác:

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và lợi ích khác trên cơ sở quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

MỤC II

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Điều 29. Chức năng của Tổng Giám đốc Tổng công ty

Tổng Giám đốc Tổng công ty là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm

trước Chủ sở hữu Tổng công ty, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Tổng Giám đốc Tổng công ty không kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty.

Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Tổng công ty

1. Xây dựng chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn và hàng năm của Tổng công ty báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty để trình Chủ sở hữu Tổng công ty phê duyệt; xây dựng Đề án tổ chức quản lý, quy chế quản lý nội bộ, chức năng nhiệm vụ bộ máy giúp việc của Tổng công ty; phương án phối hợp kinh doanh giữa công ty mẹ với các công ty thành viên do Tổng công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối trình Hội đồng thành viên quyết định theo thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật.

2. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán, cho thuê tài sản theo phân cấp của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

3. Xây dựng phương án huy động vốn; phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để đầu tư ra ngoài; đầu tư, góp vốn thành lập công ty khác, mua cổ phần hoặc mua lại một công ty khác và các hình thức đầu tư khác báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty và Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định theo thẩm quyền.

4. Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên trực thuộc; Phó các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc và tương đương của Tổng công ty.

5. Đề nghị Hội đồng thành viên trình Chủ sở hữu Tổng công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu; quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.

6. Đề nghị Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng công ty TNHH một thành viên trực thuộc Tổng công ty; cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác.

7. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương áp dụng trong Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc phù hợp với các quy định của Nhà nước trình Hội đồng thành viên phê duyệt; kiểm tra việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Tổng công ty.

8. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; điều hành hoạt động của Tổng công ty nhằm thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng thành viên và Chủ sở hữu Tổng công ty.

9. Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của Tổng công ty. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng Giám đốc Tổng công ty quy định tại

khoản 2, khoản 3 Điều này thì Tổng Giám đốc Tổng công ty chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc cấp có thẩm quyền.

10. Báo cáo Hội đồng thành viên kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều 23 Điều lệ này; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu Tổng công ty, Hội đồng thành viên và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

12. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

14. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế

1. Bổ nhiệm:

a) Tổng Giám đốc do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu; quyết định chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và giải quyết các quyền lợi khác trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm. Tổng Giám đốc có thể được xem xét bổ nhiệm lại.

b) Người được tuyển chọn là Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về tiêu chuẩn cán bộ quản lý doanh nghiệp.

2. Miễn nhiệm:

a) Chủ sở hữu quyết định việc miễn nhiệm trước thời hạn đối với Tổng Giám đốc Tổng công ty trên cơ sở các quy định tại mục b khoản 2 Điều này.

b) Tổng Giám đốc Tổng công ty bị miễn nhiệm trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:

- Để Tổng công ty rơi vào một trong các trường hợp sau: thua lỗ liên tiếp trong 02 năm; Tổng công ty xếp loại C trong hai năm liên tiếp; không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư trong 02 năm hoặc giữa 02 năm có 01 năm lãi hoặc hoà vốn, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình cụ thể và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

- Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên giao;

- Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính Tổng công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Tổng công ty;

- Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Bị toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- Vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thay thế:

Tổng Giám đốc Tổng công ty được thay thế trong các trường hợp sau:

- a) Tự nguyện xin từ chức;
- b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

MỤC III KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 32. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại

Chủ sở hữu Tổng công ty bổ nhiệm ba (03) Kiểm soát viên; nhiệm kỳ không quá (03) năm; Chủ sở hữu Tổng công ty cử một người phụ trách chung để lập kế hoạch công tác, phân công, điều phối công việc của các Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có thể được xem xét bổ nhiệm lại.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên

1. Nhiệm vụ:

- a) Kiểm tra tính hợp pháp trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu Tổng công ty trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.
- b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác, trao đổi với Hội đồng thành viên trước khi trình Chủ sở hữu Tổng công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu Tổng công ty báo cáo thẩm định.
- c) Kiến nghị Chủ sở hữu Tổng công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Tổng công ty.
- d) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu Tổng công ty.

2. Quyền hạn:

- a) Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Tổng công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền của Chủ sở hữu Tổng công ty, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên. *st*

b) Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Điều kiện: Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp gồm:

a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;

b) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp

c) Người quản lý doanh nghiệp.

Điều 35. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

MỤC IV

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên Chủ sở hữu Tổng công ty.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tổng công ty cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng thành viên thì được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 37. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên (trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này), về kết quả và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Tổng công ty và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của Tổng công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Tổng công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc Tổng công ty, trừ trường hợp được Hội đồng thành viên chấp thuận;

c) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Tổng công ty; hoặc nếu để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ tại cùng Tổng công ty, thì phải thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty. Phải thông báo cho người bổ nhiệm Tổng Giám đốc về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Tổng công ty ký kết với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng Giám đốc Tổng công ty phải báo cáo Hội đồng thành viên, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả chủ nợ biết; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động trong thời gian này;

đ) Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm d khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc Tổng công ty vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định mức bồi thường.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Đẻ Tổng công ty lỗ;

b) Đẻ mất vốn Nhà nước;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Tổng công ty theo quy định của pháp luật về lao động;

e) Đẻ xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng các quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật Doanh nghiệp mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 4 của Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp để Tổng công ty lâm vào tình trạng lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được Chủ sở hữu Tổng công ty chấp nhận; đầu tư mới mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng Giám đốc Tổng công ty không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng Giám đốc Tổng công ty không nộp đơn mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng Giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm.

8. Tổng công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm.

9. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

MỤC V

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 38. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Tổng giám đốc Tổng công ty:

a) Chức năng, nhiệm vụ:

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc.

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

b) Tiêu chuẩn:

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm:

- Bổ nhiệm: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao cho ở nhiệm kỳ trước.

- Miễn nhiệm: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

+ Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho Tổng công ty;

- + Không hoàn thành nhiệm vụ tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc Tổng công ty phân công dẫn đến Tổng công ty không hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu mà Tổng công ty đã quyết định;
- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

d) Quyền lợi:

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Kế toán trưởng Tổng công ty:

a) Chức năng, nhiệm vụ:

Kế toán trưởng Tổng công ty là người giúp Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và thực hiện nghiệp vụ về tài chính, kế toán của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng Tổng công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Tổng công ty, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

b) Tiêu chuẩn:

Kế toán trưởng Tổng công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm:

- Bổ nhiệm: Kế toán trưởng Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.

Kế toán trưởng Tổng công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhiệm kỳ trước.

- Miễn nhiệm: Kế toán trưởng Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

+ Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong quy chế tài chính của Tổng công ty và vi phạm các quy định của Nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động tài chính của Tổng công ty;

+ Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

+ Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho Tổng công ty. Báo cáo không trung thực tài chính Tổng công ty từ hai (02) lần trở lên hoặc một (01) lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Tổng công ty;

+ Không hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty phân công, dẫn đến Tổng công ty không hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ sở hữu Tổng công ty giao;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

d) Quyền lợi:

Kế toán trưởng Tổng công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 39. Điều kiện tham gia quản lý công ty khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty không được tham gia kiêm nhiệm giữ các chức danh: Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty được tham gia quản lý phần vốn của Tổng công ty tại công ty cổ phần có vốn góp chi phối, công ty TNHH, công ty liên kết, công ty có vốn góp nước ngoài của Tổng công ty.

3. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Tổng Giám đốc Tổng công ty xây dựng trình Hội đồng thành viên phê duyệt, quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc Tổng công ty có quyền đề nghị Hội đồng thành viên thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế số lượng và chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và quy định pháp luật. Hội đồng thành viên xem xét, quyết định việc thay đổi do Tổng Giám đốc Tổng công ty đề nghị.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VỐN VÀ CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ PHẦN VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 41. Vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

1. Vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

2. Vốn của Chủ sở hữu Tổng công ty đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho Tổng công ty.

3. Giá trị vốn nhà nước đầu tư tại các bộ phận trong Tổng công ty được cổ phần hoá hoặc chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên.

4. Vốn do Tổng công ty tự huy động.
5. Vốn tái đầu tư từ lợi ích được chia.
6. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty trong tham gia đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

1. Tổng công ty là Chủ sở hữu vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ trong quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác.

a) Quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty:

- Quyết định đầu tư, góp vốn, tăng, giảm vốn đầu tư hoặc vốn góp theo quy định của pháp luật liên quan, Điều lệ này và Điều lệ của công ty khác mà Tổng công ty có vốn góp;

- Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện vốn góp của Tổng công ty tại công ty khác; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và quy định hiện hành;

- Quyết định giao số vốn đầu tư tương ứng với số phiếu biểu quyết cho từng người đại diện.

b) Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty:

- Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện tại công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty;

- Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu người đại diện thực hiện theo các nội dung:

+ Định hướng thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh đối với công ty có vốn góp của Tổng công ty;

+ Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh và các nội dung khác;

+ Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có vốn góp của Tổng công ty để xin ý kiến trước khi biểu quyết;

+ Báo cáo việc sử dụng vốn đầu tư, thị trường, bí quyết công nghệ và những vấn đề khác để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

- Giải quyết những đề nghị của người đại diện của Tổng công ty tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty;

- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn đầu tư ở các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia phải hạch toán doanh thu theo quy định. Trường hợp tổ chức lại Tổng công ty thì việc quản lý phần vốn đầu tư, cổ phần này thực hiện theo qui định của pháp luật;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của Tổng công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty tại công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện quản lý phần vốn

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo Điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cân trọng theo đúng chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, Điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu vốn về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của Chủ sở hữu vốn giao.

4. Người đại diện tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Chủ sở hữu vốn phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức... người đại diện phải chủ động báo cáo Chủ sở hữu vốn cho ý kiến bằng văn bản, người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn.

5. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của công ty; sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của công ty phải báo cáo ngay Chủ sở hữu vốn và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Chủ sở hữu vốn thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu vốn về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Chủ sở hữu vốn thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp.

8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Chủ sở hữu vốn giao.

Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của người đại diện quản lý phần vốn.

1. Người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp tại công ty có vốn góp của Tổng công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty được hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 45. Đơn vị phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty

Tổng công ty có các đơn vị phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ (có phụ lục kèm theo).

Điều 46. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp hạch toán kinh tế phụ thuộc thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo chuyên giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Tổng công ty. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo quy chế do Tổng Giám đốc Tổng công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt.

2. Đơn vị phụ thuộc Tổng công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo uỷ quyền của Tổng công ty quy định trong quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc Tổng công ty xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản của đơn vị phụ thuộc, thuộc sở hữu của Tổng công ty. Việc điều chuyển vốn và tài sản cho các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty phải căn cứ vào phương án kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được Hội đồng thành viên Tổng công ty phê duyệt.

Điều 47. Quan hệ của Tổng công ty đối với công ty TNHH một thành viên trực thuộc Tổng công ty

Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đối với Công ty con là công ty TNHH một thành viên trực thuộc Tổng công ty.

1. Đề nghị Chủ sở hữu của Tổng công ty quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi, sáp nhập, giải thể, phá sản, quy định mô hình tổ chức, cơ cấu tổ chức Công ty con là công ty TNHH một thành viên trực thuộc Tổng công ty.

2. Đề nghị Chủ sở hữu của Tổng công ty quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ, tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ của Công ty.

3. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty.

4. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu; quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và

các lợi ích khác đối với Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.

5. Quyết định mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, hàng năm, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

6. Tổ chức giám sát bằng các hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, tài chính và quản lý của Công ty, hoạt động của Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty và Công ty thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

1. Các công ty thành viên, công ty TNHH có hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn tại công ty thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

3. Tổng công ty trực tiếp quản lý vốn góp ở công ty thành viên thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp).

4. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp.

b) Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty thành viên.

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty thành viên; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty.

d) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty thành viên

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty thành viên.

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.
2. Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo Điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.
3. Các quan hệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty đối với công ty thành viên

1. Nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với Điều lệ của công ty thành viên.
- b) Phối hợp giữa các công ty trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng công ty đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
- c) Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
- d) Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các công ty trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con mở rộng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- đ) Thực hiện các quyền chi phối đối với công ty con theo Điều lệ của công ty bị chi phối. Tổng công ty không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm:

Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thỏa thuận với công ty con, gây thiệt hại cho công ty và các bên liên quan thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty và các bên liên quan:

- a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các đơn vị này.
- b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác mà không có sự thỏa thuận của công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng.

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các công ty con trái với Điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ của Tổng công ty cho công ty con, công ty liên kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế với các công ty này.

e) Buộc công ty con cho Tổng công ty hoặc công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để Tổng công ty, công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty con.

g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 51. Quyền của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia quản lý Tổng công ty thông qua các hình thức tổ chức sau:

a) Hội nghị công nhân, viên chức, lao động Tổng công ty;

b) Tổ chức Công đoàn của Tổng công ty;

c) Ban thanh tra nhân dân của Tổng công ty;

d) Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động hoặc đại diện của người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty quyết định hoặc đề xuất Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định các vấn đề sau:

a) Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại lao động của Tổng công ty;

b) Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa hoặc chuyển đổi sở hữu Tổng công ty;

c) Các nội quy, quy chế của Tổng công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động;

e) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch và Thành viên hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên Tổng công ty và các chức danh quản lý khác khi có yêu cầu.

3. Thông qua Hội nghị công nhân viên chức và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thoả ước lao động tập thể, quy chế trả lương, trả thưởng; được cử người đại diện tập thể người lao động để thương lượng và ký kết Thoả ước lao động tập thể với Tổng Giám đốc Tổng công ty;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch khác của Tổng công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động phù hợp các quy định của pháp luật;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban thanh tra nhân dân Tổng công ty;

d) Bầu thanh tra nhân dân Tổng công ty.

4. Tham gia các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động đã ký với Tổng Giám đốc Tổng công ty hoặc người được Tổng Giám đốc Tổng công ty ủy quyền, thực hiện nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể và các quy định khác có liên quan đến lao động, được Hội nghị công nhân viên chức lao động Tổng công ty thông qua.

2. Người lao động phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

3. Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, Thành phố và phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, phương án sắp xếp lại lao động của Tổng công ty.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và các quy định hợp pháp của Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Cơ chế hoạt động tài chính của Tổng công ty

Cơ chế hoạt động tài chính của Tổng công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính đã được Chủ sở hữu Tổng công ty phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

CHƯƠNG IX TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 54. Tổ chức lại

Các hình thức tổ chức lại Tổng công ty bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức lại Tổng công ty do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định hoặc do Hội đồng thành viên Tổng công ty trình Chủ sở hữu Tổng công ty xem xét, quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật.

Điều 55. Chuyển đổi sở hữu Tổng công ty

1. Tổng công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

- a) Chủ sở hữu chuyển toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức khác.
- b) Cổ phần hóa toàn bộ hoặc một bộ phận của Tổng công ty.
- c) Bán toàn bộ hoặc một bộ phận của Tổng công ty.
- d) Giao Tổng công ty cho tập thể người lao động.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Tổng công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 56. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

b) Không thực hiện được nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết.

c) Việc tiếp tục duy trì Tổng công ty là không cần thiết.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Tổng công ty được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của Chủ sở hữu Tổng công ty.

Điều 57. Phá sản Tổng công ty

Thực hiện theo quy định của Luật phá sản.

CHƯƠNG X

SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ Tổng công ty

1. Định kỳ hàng năm Hội đồng thành viên có trách nhiệm báo cáo Chủ sở hữu Tổng công ty và các cơ quan nhà nước liên quan những báo cáo, tài liệu được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất, Chủ sở hữu Tổng công ty có quyền yêu cầu bằng văn bản Hội đồng thành viên cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng thành viên cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Chủ sở hữu Tổng

công ty, Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thành viên được Tổng Giám đốc Tổng công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp thường kỳ của Hội đồng thành viên. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của Tổng công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

4. Tổng Giám đốc Tổng công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty.

5. Người lao động trong Tổng công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Tổng công ty thông qua Hội nghị công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân của Tổng công ty.

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Công khai thông tin

1. Tổng Giám đốc Tổng công ty là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ tài liệu của Tổng công ty có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ tài liệu của Tổng công ty và chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng Giám đốc Tổng công ty hoặc người được Tổng Giám đốc Tổng công ty uỷ quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc Tổng công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

CHƯƠNG XI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Tổng công ty hoặc tranh chấp liên quan đến quan hệ giữa Chủ sở hữu Tổng công ty và Tổng công ty, giữa Chủ sở hữu Tổng công ty và Hội đồng thành viên Tổng công ty, giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng công ty, bộ máy giúp việc được căn cứ theo Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty.
2. Hội đồng thành viên Tổng công ty có quyền đề nghị Chủ sở hữu Tổng công ty về phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ này này gồm 12 Chương và 62 Điều, là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội. Tất cả các cá nhân, các đơn vị phụ thuộc, các công ty thành viên của Tổng công ty có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2011 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Các đơn vị phụ thuộc, các công ty con của Tổng công ty căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của đơn vị không được trái với Điều lệ này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *[Handwritten Signature]*
PHÓ CHỦ TỊCH *[Handwritten Signature]*



[Handwritten Signature]
Nguyễn Huy Tường

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT
CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI

A	ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC
I	CÔNG TY:
1	Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 15 (CT15)
2	Công ty Xây dựng và ứng dụng Công nghệ mới (CT20)
3	Công ty Xây dựng dân dụng (CT34)
4	Công ty Handico Thành Công (CT39)
5	Công ty Thương mại và Đầu tư Xây dựng Hà Nội (CT45)
6	Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Hà Nội (CT46)
7	Chi nhánh Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội tại TP Hồ Chí Minh
II	XÍ NGHIỆP:
1	Xí nghiệp Xây lắp số 1 Hà Nội (XN1)
2	Xí nghiệp Xây lắp số 2 Hà Nội (XN2)
3	Xí nghiệp Xây lắp số 3 Hà Nội (XN3)
4	Xí nghiệp Xây dựng số 4 Hà Nội (XN4)
5	Xí nghiệp Quản lý và Kinh doanh thiết bị cơ giới Handico (XN5)
III	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN:
1	Ban quản lý Dự án số 1 (DA1)
2	Ban quản lý Dự án số 2 (DA2)
3	Ban quản lý Dự án số 3 (DA3)
4	Ban quản lý Dự án Đầu tư phát triển và Đô thị số 2 (DA4)
5	Ban quản lý Dự án số 5 (DA5)
6	Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp và Đô thị Handico (DA6)
7	Ban quản lý Dự án số 7 (DA7)
8	Ban quản lý Dự án số 8 (DA8)
9	Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng nhà ở Sài Đồng
10	Ban QLDA ĐTXD Khu nhà ở cán bộ, chiến sỹ Cục CSBV và hỗ trợ tư pháp - Bộ CA
IV	TRƯỜNG, TRUNG TÂM:
1	Trường trung cấp nghề Kỹ thuật và nghiệp vụ Xây dựng Hà Nội



2	Trung tâm Thương mại và Xuất khẩu lao động
3	Trung tâm sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng
V	SÀN GIAO DỊCH:
	Sàn giao dịch Bất động sản Handico
B	CÔNG TY CON
I	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:
	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Kinh doanh Dịch vụ nhà Hà Nội
II	DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN NHÀ NƯỚC GIỮ CỔ PHẦN CHI PHỐI :
1	Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển nhà và Đô thị Hà Nội (CT10)
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội (CT16)
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 30 (CT30)
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68 (CT68)
C	CÔNG TY LIÊN KẾT
I	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ NƯỚC GIỮ CỔ PHẦN KHÔNG CHI PHỐI:
1	Công ty Cổ phần Tư tạo và Phát triển nhà (CT1)
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (CT2)
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội (CT3)
4	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Hồng Hà (CT4)
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Hà Nội số 5 (CT5)
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội (CT6)
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà số 7 Hà Nội (CT7)
8	Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội (CT8)
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 9 Hà Nội (CT9)
10	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Xây dựng nhà (CT11)
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà số 12 Hà Nội (CT12)
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hà Nội số 17 (CT17)
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp và Đô thị số 18 (CT18)
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Giao thông (CT21)
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 (CT22)
16	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Ba Đình (CT23)
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Tây Hồ (CT24)
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội (CT25)

19	Công ty Cổ phần Xây dựng Tuổi trẻ Thủ đô (CT26)
20	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 27 (CT27)
21	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng nhà Hà Nội số 28 (CT28)
22	Công ty Cổ phần Tư vấn Handic - Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (CT29)
23	Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Xây dựng số 32 Hà Nội (CT32)
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 36 (CT36)
25	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 37 (CT37)
26	Công ty Tài chính cổ phần Handico (CT50)
27	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52 (CT52)
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Thương mại và Dịch vụ
29	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phục chế công trình văn hoá
30	Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Trường Tiền
31	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoà Bình
II	CÔNG TY LIÊN DOANH:
1	Công ty TNHH Điện STANLEY Việt Nam
2	Công ty TNHH Phát triển Hồ Tây
3	Công ty Phát triển Đô thị
4	Công ty Liên doanh Phát triển Bắc Thăng Long
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Bắc Thăng Long Hà Nội
III	CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY GÓP VỐN BẰNG THƯƠNG HIỆU:
1	Công ty cổ phần Thương mại và Phát triển nhà số 35 Hà Nội (CT35)
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Trang trí nội thất Handico (CT38)
3	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 41 (CT41)
4	Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội
5	Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại, dịch vụ và Phát triển nguồn nhân lực.

